TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **168**/2020/HS-PT
Ngày: 18 - 5 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Phong

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thành

Bà Phan Thị Thu Hương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Huy Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Quang Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 79/2020/TLPT-HS ngày 28 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Thị T, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2020/HSST ngày 09/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- *Bị cáo có kháng cáo:*

- **Nguyễn Thị T** (tên gọi khác: Không)**,** sinh năm 1968 tại Bình Định; nơi đăng ký HKTT: Xã A, huyện B, tỉnh Bình Định; nơi cư trú hiện nay: Khu phố C, phường D, thị xã E, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 03/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Phật; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1948 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1948; gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình và chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 02/9/2019 đến ngày 11/9/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 7537/LCCT-VKSBH ngày 11 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. (Bị cáo có mặt)

- *Bị hại:* Chị Trần Thị N, sinh năm 1984.
Địa chỉ: Khu phố F, phường G, thành phố H, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài, vào khoảng 10 giờ ngày 02/9/2019, Nguyễn Thị T chủ động điều khiển xe mô tô hiệu Merttus biển số 72F6-46XX đi đến Khu du lịch "Ngọc Hoa Trang" tại phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để nhằm mục đích trộm cắp tài sản. Tại đây, T phát hiện thấy chị Trần Thị N (sinh năm 1984, ngụ tại Khu phố F, phường G, thành phố H, tỉnh Đồng Nai) có đeo 01 chiếc túi xách bên vai phải và đang đứng ở khu vực đông người, T liền tiếp cận gần chị N rồi dùng tay kéo mở khỏa túi xách của chị N, lấy trộm được 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J810Y, có sim số thuê bao 0902422XXX. Sau đó, T tiếp tục đi đến Khu du lịch "Thủy Châu" thuộc phường Bình Thắng, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương để tiếp tục thực hiện hành vi "Trộm cắp tài sản" thì bị Công an phường Bình Thắng kiểm tra, phát hiện và T đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên nên Công an phường Bình Thắng đã lập hồ sơ vụ việc và chuyển cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H điều tra, giải quyết theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ:

+ 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J810Y, có sim số thuê bao 0902422XXX, thu giữ của bị can T là tài sản của chị Trần Thị N nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị N.

+ 01 chiếc xe mô tô hiệu Merttus biển số 72F6-46XX, kèm theo Giấy đăng ký xe, tạm giữ của bị can T (do sử dụng để đi trộm cắp) là xe của ông Nguyễn Văn X, sinh năm 1968, ngụ tại xã I, huyện J, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu mua lại của người khác (do đã bị thất lạc giấy tờ mua bán nên không nhớ họ tên, địa chỉ). Kết quả xác và lấy lời khai của bà Nguyễn Hồng N là người đứng tên trên giấy đăng ký chủ xe, bà N xác định xe trên bà đã bán lâu năm và không có ý kiến gì. Do ông X không biết bị can T mượn xe để sử dụng vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho ông X.

+ 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J810Y A10 màu vàng và 01 túi xách màu đen, bên trong có 01 chiếc ví màu hồng đựng số tiền 2.950.000đ. Quá trình Điều tra do không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Điều tra đã trả lại cho bị can T.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 392/TCKH-HĐĐG ngày 06/9/2019, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố H kết luận: "01

chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J810Y, đã qua sử dụng, chất lượng còn lại 70%, trị giá 3.360.000đ".

Về dân sự: Người bị hại là chị Trần Thị N đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu bồi thường nào khác.

Tại Cáo trạng số 616 /CT-VKSBH ngày 28/11/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại bản án sơ thẩm số 09/2020/HSST ngày 09/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa: Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt: Nguyễn Thị T 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án nhưng được trừ đi thời hạn đã bị tạm giam (từ ngày 02/9/2019 đến ngày 11/9/2019).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 20/01/2020, bị cáo Nguyễn Thị T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Quan điểm Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm khoản 1 Điều 173; Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Hồ sơ thể hiện: Vào khoảng 10 giờ ngày 02/9/2019, tại Khu du lịch "Ngọc Hoa Trang" thuộc phường Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, bị cáo đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J810Y, có sim số thuê bao 0902422XXX, trị giá 3.360.000đ *(Ba triệu, ba trăm sáu mươi ngàn đồng)* của chị Trần Thị N.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo Nguyễn Thị T phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài

sản thuộc quyền sở của người khác được pháp luật bảo vệ và ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội tại địa phương.

Khi xét xử, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ: bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản bị chiếm đoạt đã được thu hồi, trả lại cho chủ sử hữu nên gây thiệt hại không lớn (được quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự). Ngoài ra bị cáo có nhân thân tốt (chưa có tiền án, tiền sự), trình độ học vấn thấp (lớp 03/12) nên nhận thức pháp luật còn nhiều hạn chế; gia đình thuộc thành phần lao động, có ông ngoại là Nguyễn L, sinh năm 1932 (đã chết) tham gia Cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến chống Mỹ hạng nhất và có bác ruột là liệt sĩ (hy sinh trong kháng chiến). Do đó cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo mức án 08 (tám) tháng tù là phù hợp và thỏa đáng.

Tại cấp phúc thẩm, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào khác chưa được xem xét. Bị cáo không cung cấp được tình tiết nào mới do đó kháng cáo của bị cáo không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí: Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T: 08 (tám) tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Thời hạn tù tính từ ngày thi hành án nhưng được trừ đi thời gian đã bị tạm giam (từ ngày 02/9/2019 đến ngày 11/9/2019).

- Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

Bị cáo Nguyễn Thị T phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tp. Biên Hòa (2);
- Viện kiểm sát nhân dân tp. Biên Hòa;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Phòng PV 27 - Công an tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự tp. Biên Hòa:
- Công an tp. Biên Hòa;
- Bị cáo ; Bị hại
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Hình sự, Văn phòng và Thẩm phán (4).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Phong